

Bản án số: 791/2020/KDTM-PT

Ngày: 24/08/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Dũng
Bà Nguyễn Thu Chinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 08 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 82/2020/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3591/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: Q. X, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình Đ, sinh năm: 1979
(Giấy ủy quyền số: 01/UQ/VP.2017 ngày 15/3/2017)

- Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: Quận Y, TP.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức N, sinh năm: 1960
Giấy ủy quyền số: 07/UQ-DA ngày 08/05/2020

- Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 25/4/2011, Công ty A và Công ty B ký kết Hợp đồng thi công số 15/2011/HĐTC-BL; với nội dung chính như sau:

Công ty A nhận thi công khoán gọn hạng mục trải thảm bê tông nhựa đường giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng CSHT tại Thành phố Z, tỉnh Q.

Tổng khối lượng thực hiện: 60880,23 m².

Tổng giá trị Hợp đồng: 19.392.833.902 đồng.

Thời hạn thi công: 22/04/2011 – 30/05/2011.

Đến ngày 10/12/2011 Công ty B ra công văn số 620/2011/DA đề nghị chấm dứt Hợp đồng. Công ty A đồng ý với đề nghị trên, vì vậy công ty A đã nộp hồ sơ quyết toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng thi công số 15/2011/HĐTC-BL. Hồ sơ quyết toán ngày 19/03/2012 đã có xác nhận của chi nhánh Tây Nam của Công ty B, theo đó:

Tổng giá trị thực hiện đã nghiệm thu: 11.335.164.214 đồng.

Công ty B đã thanh toán: 8.075.905.565 đồng.

Khấu trừ tiền khắc phục hư hỏng: 118.979.390 đồng.

Ngày 17/07/2012, Công ty B thanh toán thêm: 634.237.658 đồng.

Tổng số tiền Công ty B chưa thanh toán tại thời điểm khởi kiện là: 2.506.041.597 đồng.

Công ty A yêu cầu Công ty B phải thanh toán:

- Tiền bảo hành chưa thanh toán: 566.758.211 đồng và tiền lãi tính từ khi hết thời hạn bảo hành là ngày 20/3/2013 đến nay (bàn giao hồ sơ quyết toán ngày 19/3/2012)

- Tiền quyết toán hợp đồng: 1.939.283.391 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tranh chấp về các vấn đề trong Hợp đồng thi công số 15/2011/HĐTC-BL, vì Hợp đồng đã chấm dứt theo sự thỏa thuận của hai bên. Công Arút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền thi công chưa thanh toán là: 1.939.283.391 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày:

Công ty B có ký hợp đồng thi công số: 15/2011/HĐTC-BL ngày 25/4/2011 và phụ lục hợp đồng số: 21/2011/PLHĐKT ngày 24/8/2011 với Công ty A về việc thi công hạng mục thảm bê tông nhựa đường giao thông thuộc dự án khu dân cư phường 2, thành phố Z, tỉnh Q.

Theo hợp đồng đã ký kết ngày 25/4/2011 thì tiến độ thi công là 38 ngày (từ ngày 22/04/2011 đến 30/5/2011) tuy nhiên Công ty A không hoàn thành đúng thời hạn và phải xin gia hạn hợp đồng đến 4 lần.

Ngày 08/12/2011 Công ty B nhận được công văn số: 59/KT/2011 Công ty A lấy lý do: Do thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài hơn dự kiến dẫn đến các điều khoản thanh toán và đơn giá của hợp đồng không còn phù hợp Công ty CP ĐT B có văn bản số 620/2011/DA ngày 10/12/2011 thông báo và khẳng định kể từ ngày 09/12/2011 đến ngày 24/12/2011 nếu Công ty CP XD và ĐT A không triển khai thực hiện theo đúng nội dung của công văn 597/2011/DA ngày 29/11/2011 thì căn cứ theo điều 9, điều 10 của hợp đồng thi công số 15/2011/HĐTC-BL ngày 25/4/2011 là chấm dứt hợp đồng và phạt vi phạm.

Ngày 18/6/2012 và ngày 07/8/2012 Công ty CP ĐT B và Công ty CP XD và ĐT A có biên bản họp với nội dung xử lý và đi đến thống nhất:

Hai bên thống nhất không áp dụng phạt vi phạm hợp đồng về tiến độ thi công cũng như tiến độ thanh toán. Việc không hoàn thành nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã ký kết dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Theo khoản 11.1.1 mục 11.1 điều 11 của hợp đồng công số 15/2011/HĐTC-BL ngày 25/4/2011 thì chủ đầu tư được quyền từ chối hợp đồng và yêu cầu Ngân hàng thanh toán phần giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ tịch thu giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng 10% giá trị hợp đồng bằng cách khấu trừ giá trị Nhà thầu thực hiện được nghiệm thu. Giá trị phạt do Nhà thầu chịu là 1.939.000.000 đồng và cử cán bộ liên hệ chủ đầu tư để xử lý hồ sơ quyết toán.

Nhà thầu đồng ý việc không tiếp tục thực hiện các công việc còn lại của hợp đồng là do lỗi của nhà thầu. Tuy nhiên nhà thầu kiến nghị chủ đầu tư xem xét chỉ phạt cho phần giá trị còn lại chưa thực hiện của hợp đồng với tỷ lệ 5%.

Trong thời gian từ tháng 8/2012 đến tháng 11/2016 Công ty CP XD và ĐT A không cử cán bộ đến Công ty CP ĐT B để xử lý quyết toán. Ngày 03/11/2016 Công ty CP XD và ĐT A có văn bản số 15/VP.2016 về thu hồi công nợ và Công ty CP ĐT B có văn bản 231/CV-KHVT ngày 09/11/2016 về việc thanh toán hạng mục thảm bê tông nhựa Khu dân cư phường 2, thành phố Z, tỉnh Q.

Công ty B không đồng ý với yêu cầu của Công ty A.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi của Công ty A đối với số tiền thi công chưa thanh toán là: 1.939.283.391 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của Công ty A.

2.1 Buộc Công ty B phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền tổng cộng: 2.901.355.454 đồng (Hai tỷ chín trăm lẻ một triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi bốn đồng) trong đó tiền thi công chưa thanh toán: 1.939.283.391 đồng, tiền bảo hành công trình: 566.758.211 đồng và tiền lãi phát sinh: 395.313.852 đồng tính đến ngày 27/12/2019.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty B phải chịu là: 90.027.109 đồng.

3.2 Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 51.451.700 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0027210 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 16/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKN-VKS đối với bản án sơ thẩm số

01/2020/KDTM-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 8 có nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ thanh quyết toán để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác; Đến thời điểm xét xử sơ thẩm hai bên chưa tiến hành đối chiếu công nợ, chưa tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ để chứng minh bên nào có lỗi dẫn tới chấm dứt, thanh lý hợp đồng. Việc Công ty 577 giữ lại 10% giá trị hợp đồng đúng hay sai để xác định mức độ lỗi của các bên làm căn cứ giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án theo Biên bản ghi nhận thỏa thuận của đương sự ngày 06 tháng 08 năm 2020 như sau:

Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền phát sinh từ Hợp đồng thi công số 15/2011/HĐTC-BL ngày 25/4/2011, gồm các khoản tiền sau:

Tiền bảo hành công trình: 566.758.211 đồng; tiền lãi phát sinh: 395.313.852 đồng; Tiền thi công công trình: 969.641.695 đồng,

Tổng cộng: 1.895.713.758 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng), thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải chịu là: 62.871.500 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 51.451.700 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0027210 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty B chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm; Công nhận thỏa thuận của đương sự theo nội dung Biên bản ngày 06 tháng 08 năm 2020. Do đương sự tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm rút lại toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm rút lại toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên theo thủ tục chung.

- Về nội dung và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án theo nội dung thỏa thuận tại Biên bản ghi nhận thỏa thuận của đương sự ngày 06 tháng 08 năm 2020 như đã nêu phần trên. Sự thỏa thuận của họ là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Việc sửa án không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Điều 284, Điều 300, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa án sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền phát sinh từ Hợp đồng thi công số 15/2011/HĐTC-BL ngày 25/4/2011, gồm các khoản tiền sau:

Tiền bảo hành công trình: 566.758.211 đồng; tiền lãi phát sinh: 395.313.852 đồng; Tiền thi công công trình: 969.641.695 đồng,

Tổng cộng: 1.895.713.758 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng), thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải chịu là: 62.871.500 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 51.451.700 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0027210 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty B chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

Lê Thọ Viên